

Bản án số: 04 /2024/HNGĐ-ST  
Ngày: 16/4/2024  
V/v Ly hôn, nuôi con chung sau  
ly hôn

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC KẠN**

*Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà **Hoàng Thị Thu Hương**

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Bà Cà Nguyễn Duyên

2. Ông Vi Thanh Cầm

*Thư ký phiên tòa:* Ông Nguyễn Hoàng Đạt – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Kạn.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Kạn tham gia phiên tòa:* Bà Hoàng Ánh Dương - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 4 năm 2024 tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Kạn xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 04/2024/TLST-HNGĐ ngày 26/02/2024 về việc: “*Ly hôn, nuôi con chung sau ly hôn*” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 04/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 4 năm 2024 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị **Đặng Thị T** – Sinh năm: 1988. Địa chỉ: **Khu A, xã L, huyện T, tỉnh Phú Thọ**. Vắng mặt

2. *Bị đơn:* Anh **Hoàng Phúc K** – Sinh năm: 1995. HKTT: **Thôn N, xã L, huyện C, tỉnh Bắc Kạn**. Nơi ở hiện nay: **Số E, cửa hàng M, làng X, thị trấn L, huyện G, Đài Loan**. Vắng mặt

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

Theo đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị **Đặng Thị T** trình bày:

Chị và anh **Hoàng Phúc K** kết hôn với nhau năm 2016, trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức đám cưới theo phong tục truyền thống, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện C, tỉnh Bắc Kạn theo giấy chứng nhận kết hôn số 08, cấp ngày 23/5/2016. Sau khi kết hôn, thời gian đầu cuộc sống vợ chồng hạnh phúc. Tuy nhiên 01 năm sau khi kết hôn, anh **K** đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan, do sống xa cách nên hai anh chị thường xuyên xảy ra mâu thuẫn về vấn đề tình cảm, và có nhiều điểm bất đồng trong cuộc sống. Chị và anh **K** đã

nhiều lần hàn gắn với nhau nhưng đều không thành, hai vợ chồng anh chị đã ly thân với nhau từ năm 2017 đến nay. Chị **T** hiện ở Việt Nam, anh **K** đang sinh sống và làm việc ở Đài Loan. Nay chị **T** xác định tình cảm vợ chồng đã không còn, mục đích hôn nhân không đạt được do vậy chị **T** đề nghị Tòa án giải quyết cho chị **T** và anh **K** được ly hôn

**Về con chung:** Trong thời kỳ hôn nhân chị **T** và anh **K** có 01 con chung là cháu **Hoàng Đặng Huyền T1**, sinh ngày 21/12/2016, giới tính: Nữ. Hiện cháu đang khỏe mạnh, bình thường và đang sinh sống cùng với chị **T**. Do anh **K** hiện đang sinh sống và làm việc tại Đài Loan nên khi ly hôn chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị **T** được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu **T1** cho đến khi cháu **T1** đủ 18 tuổi

- Về cấp dưỡng nuôi con: Chị **T** không yêu cầu anh **K** cấp dưỡng nuôi con

**Về tài sản chung và nợ chung:** Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, hiện nay do tính chất công việc và nơi sinh sống của anh **K** ở nước ngoài, không thể có mặt trực tiếp tham gia quá trình Tòa án giải quyết vụ việc ly hôn và để sớm ổn định cuộc sống. Do vậy, chị **T** kính đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Kạn: Giải quyết vắng mặt trong toàn bộ quá trình giải quyết vụ việc, không tiến hành hòa giải theo quy định của Luật hòa giải, đối thoại tại Tòa án và Điều 207 của Bộ luật tố tụng dân sự, tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và phiên tòa xét xử vụ án trước thời gian theo quy định tại Điều 476 của Bộ luật tố tụng dân sự.

**Tại các văn bản trình bày ý kiến, biên bản lấy lời khai trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh **Hoàng Phúc K** trình bày:**

Anh **K** nhất trí với nội dung trình bày của chị **Đặng Thị T** về quan hệ hôn nhân, con chung, tài sản chung và nợ chung cụ thể:

Anh và chị **Đặng Thị T** kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức đám cưới theo phong tục truyền thống, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã **L**, huyện **C**, tỉnh Bắc Kạn theo giấy chứng nhận kết hôn số 08, cấp ngày 23/5/2016. Thời gian đầu sau khi kết hôn, cuộc sống vợ chồng hạnh phúc. Tuy nhiên từ khi anh đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan, do sống xa cách nên hai vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn về vấn đề tình cảm, và có nhiều điểm bất đồng trong cuộc sống. Anh và chị **T** đã ly thân với nhau từ năm 2017 đến nay. Anh **K** sinh sống, làm việc tại Đài Loan, chị **T** đang sinh sống và làm việc tại Việt Nam. Anh **K** xác định tình cảm vợ chồng đã không còn, mục đích hôn nhân

không đạt được nên anh nhất trí với yêu cầu khởi kiện của chị **T**, đề nghị Tòa án giải quyết cho anh và chị **T** được Ly hôn.

**Về con chung:** Trong thời kỳ hôn nhân anh và chị **T** có 01 con chung là cháu **Hoàng Đặng Huyền T1**, sinh ngày 21/12/2016, giới tính: Nữ. Do anh **K** hiện đang sinh sống và làm việc tại Đài Loan nên khi ly hôn anh nhất trí với yêu cầu của chị **T**, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị **T** được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu **T1** cho đến khi cháu **T1** đủ 18 tuổi.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Chị **T** không yêu cầu nên anh cũng không có ý kiến gì

**Về tài sản chung và nợ chung:** Nhất trí với ý kiến của chị **T**. Anh và chị **T** tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, hiện nay do tính chất công việc và nơi sinh sống của anh **K** ở nước ngoài, không thể có mặt trực tiếp tham gia quá trình Tòa án giải quyết vụ việc ly hôn và để sớm ổn định cuộc sống, Anh **K** ủy quyền cho mẹ đẻ của anh **K** là bà: Bà **Ma Thị P** (Căn cước công dân số: 006168002763, ngày cấp:11/8/2021, nơi cấp: Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội). Địa chỉ: **Thôn N, xã L, huyện C, tỉnh Bắc Kạn** đại diện cho anh **K** nộp và tiếp nhận các văn bản tố tụng, hồ sơ, tài liệu liên quan đến việc giải quyết ly hôn và đề nghị Tòa án: Giải quyết vắng mặt trong toàn bộ quá trình giải quyết vụ việc, không tiến hành hòa giải theo quy định của Luật hòa giải, đối thoại tại Tòa án và Điều 207 của Bộ luật tố tụng dân sự, tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và phiên tòa xét xử vụ án trước thời gian theo quy định tại Điều 476 của Bộ luật tố tụng dân sự.

**Tại biên bản về việc hỏi ý kiến con chung, cháu **Hoàng Đặng Huyền T1** trình bày:**

Cháu **Hoàng Đặng Huyền T1** là con chung của chị **Đặng Thị T** và anh **Hoàng Phúc K**. Hiện nay, bố cháu đang sinh sống và làm việc tại Đài Loan nên khi bố mẹ ly hôn, cháu có nguyện vọng được sống cùng mẹ cháu là chị **Đặng Thị T**

**Tại Biên bản làm việc, bà **Ma Thị P**. Địa chỉ: **Thôn N, xã L, huyện C, tỉnh Bắc Kạn** trình bày:**

Bà là mẹ đẻ anh **Hoàng Phúc K**. Theo như bản tự khai và biên bản lấy lời khai thì anh **K** đã ủy quyền cho bà nộp hồ sơ ly hôn, nộp án phí, lệ phí, nhận toàn bộ các văn bản tố tụng của Tòa án, bà hoàn toàn nhất trí với ý kiến của anh **K** và cam kết thực hiện đầy đủ, đúng quy định các nội dung đã nhận ủy quyền

**Tại phiên tòa:**

- Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt
- Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án:

Về thủ tục tố tụng:

Việc chấp hành pháp luật của những người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng từ khi thụ lý vụ án đến trước khi nghị án tuân theo đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về thời hạn xét xử: Theo thông báo thụ lý vụ án, Tòa án ấn định thời gian mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải vào ngày 26/8/2024 và thời gian mở phiên tòa vào ngày 26/11/2024 là đúng thời hạn quy định tại Điều 476 của Bộ luật tố tụng dân sự. Tuy nhiên, quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thu thập đầy đủ tài liệu chứng cứ, các đương sự đã giao nộp đầy đủ tài liệu chứng cứ. Mặt khác các đương sự đều đề nghị Tòa án: không tiến hành hòa giải theo quy định của Luật hòa giải, đối thoại tại Tòa án và Điều 207 của Bộ luật tố tụng dân sự, tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và phiên tòa xét xử vụ án trước các mốc thời gian theo quy định tại Điều 476 của Bộ luật tố tụng dân sự để sớm ổn định cuộc sống. Do vậy việc Tòa án mở phiên tòa sớm hơn không ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự.

Về nội dung vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Xét thấy tình cảm vợ chồng giữa chị **T** và anh **K** không còn nên việc chị **T** và anh **K** xin được ly hôn là có căn cứ cần được chấp nhận.

Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân anh và chị **T** có 01 con chung là cháu **Hoàng Đặng Huyền T1**, sinh ngày 21/12/2016, giới tính: Nữ. Xét thấy, anh **K** đang sinh sống, làm việc tại Đài Loan, cháu **T1** ở với mẹ được mẹ quan tâm, chăm sóc, hơn nữa mẹ cháu có chỗ ở và thu nhập ổn định nên đảm bảo lợi ích về mọi mặt của cháu **T1**, theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình, cần giao cháu **T1** cho chị **T** trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng là phù hợp

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Do chị **T** không yêu cầu anh **K** cấp dưỡng nuôi con chung nên không xem xét giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Anh **K** và chị **T** không yêu cầu giải quyết nên không xem xét, giải quyết.

Về án phí, đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

## **[1] Về thủ tục tố tụng**

**[1.1] Về thẩm quyền giải quyết:** Bị đơn trước khi sinh sống và làm việc tại nước ngoài cư trú tại tỉnh Bắc Kạn, hiện nay bị đơn đang sinh sống và làm việc tại Đài Loan. Do vậy có đủ căn cứ xác định đây là vụ án Hôn nhân gia đình có yếu tố nước ngoài. Việc Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Kạn thụ lý, giải quyết vụ án là phù hợp quy định tại các Điều 28, 37, 39, 469/Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

**[1.2] Về sự vắng mặt của đương sự trong quá trình giải quyết vụ án và phiên tòa xét xử:** Hiện nay bị đơn đang sinh sống và làm việc tại nước ngoài không thể về Việt Nam tham gia tố tụng, vì vậy vụ án thuộc trường hợp không hòa giải được. Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn, bị đơn đều đề nghị xét xử vắng mặt. Do vậy việc Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Kạn giải quyết và xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn là phù hợp quy định của pháp luật tại Điều 228, khoản 5 Điều 477, Điều 478 của Bộ luật tố tụng dân sự.

**[1.3] Về việc ủy quyền nhận các văn bản tố tụng của Tòa án:** Bị đơn anh **Hoàng Phúc K** ủy quyền cho bà **Ma Thị P** nhận các văn bản tố tụng của Tòa án, bà **P** nhất trí với ý kiến của bị đơn và cam kết thực hiện đầy đủ, đúng quy định các nội dung nhận ủy quyền. Do vậy Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Kạn sẽ thực hiện việc tổng đạt các văn bản tố tụng cho bị đơn theo quy định tại Điều 474/Bộ luật tố tụng dân sự.

**[1.4] Về thời hạn giải quyết vụ án:** Theo Thông báo thụ lý vụ án, Tòa án ấn định thời gian mở phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ vào ngày 26/8/2024, thời gian mở phiên tòa vào ngày 26/11/2024 là đúng thời hạn quy định tại Điều 476 của Bộ luật tố tụng dân sự. Tuy nhiên, quá trình giải quyết vụ án, các đương sự đều đề nghị Tòa án mở phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và mở phiên tòa trước các mốc thời hạn Tòa án đã ấn định. Mặt khác chị **T** và anh **K** đều được tiếp cận đầy đủ các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và cũng đã cung cấp cho Tòa án đầy đủ tài liệu, chứng cứ. Do vậy, việc Tòa án mở phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và phiên tòa xét xử trước các mốc thời gian đã ấn định tại Thông báo thụ lý vụ án không ảnh hưởng đến quyền và nghĩa vụ của các đương sự trong vụ án.

## **[2] Về nội dung vụ án:**

**[2.1] Về quan hệ hôn nhân:** Hội đồng xét xử thấy:

Chị **T** và anh **K** kết hôn trên cơ sở tự nguyện có tổ chức đám cưới theo phong tục truyền thống, có đăng ký kết hôn và đã được Ủy ban nhân dân xã **L**, huyện **C**, tỉnh **Bắc Kạn** cấp giấy chứng nhận kết hôn số 08, ngày 23/5/2016. Vì vậy hôn nhân giữa chị **T** và anh **K** được xác định là hôn nhân hợp pháp.

Chị **T** và anh **K** đều thừa nhận, quá trình hôn nhân, sau khi kết hôn, thời gian đầu cuộc sống vợ chồng hạnh phúc. Tuy nhiên 01 năm sau khi kết hôn, anh **K** đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan, do sống xa cách nên hai vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn về vấn đề tình cảm, và có nhiều điểm bất đồng trong cuộc sống và hai vợ chồng anh chị đã ly thân với nhau từ năm 2017 đến nay. Cả chị **T** và anh **K** đều xác định tình cảm vợ chồng đã không còn, mục đích hôn nhân không đạt được và có nguyện vọng được ly hôn. Do vậy, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu xin ly hôn của chị **Đặng Thị T** là có căn cứ, cần chấp nhận xử cho chị **T** được ly hôn với anh **K**.

**[2.2] Về con chung:** Chị **T** và anh **K** đều xác nhận, trong thời kỳ hôn nhân hai anh chị có 01 con chung là cháu **Hoàng Đặng Huyền T1**, sinh ngày 21/12/2016, giới tính: Nữ. Hiện cháu đang khỏe mạnh, bình thường và đang sinh sống cùng với chị **T** và bố mẹ đẻ của chị **T** là ông **Đặng Văn T2** – Sinh năm: 1973 và bà **Nguyễn Thị H** – Sinh năm: 1971 tại địa chỉ: **Khu A, xã L, huyện T, tỉnh Phú Thọ**.

Khi ly hôn, chị **T** yêu cầu được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu **T1**, bản thân cháu **T1** cũng có ý kiến khi bố mẹ ly hôn cháu có nguyện vọng ở với mẹ. Anh **K** nhất trí với yêu cầu của chị **T**, chị **T** có thu nhập trung bình 8.000.000 đồng/01 tháng. Theo văn bản trình bày ý kiến, bố mẹ chị **T** nhất trí cho chị **T** và cháu **T1** sinh sống cùng và sẽ hỗ trợ chị **T** chăm sóc cháu **T1**. Hội đồng xét xử thấy, yêu cầu của nguyên đơn và ý kiến của bị đơn về việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là hoàn toàn tự nguyện và phù hợp với thực tế bởi chị **T** hiện đang sinh sống tại Việt Nam, có việc làm, thu nhập ổn định nên có đủ điều kiện để trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung đến khi con đủ 18 tuổi và cũng là phù hợp với nguyện vọng của con, còn anh **K** đang sinh sống và làm việc tại Đài Loan nên không thể trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Do vậy căn cứ Điều 81/Luật Hôn nhân và gia đình. Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị **T** về con chung, chị **T** được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung cho đến khi con đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị **T** không yêu cầu anh **K** cấp dưỡng nuôi con chung, anh **K** cũng không có ý kiến gì về cấp dưỡng nuôi con chung nên HĐXX không xem xét, giải quyết

Theo quy định tại Điều 82/Luật Hôn nhân và gia đình. Sau khi ly hôn anh **K** có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở

**[2.3] Về tài sản chung và nợ chung:** Cả nguyên đơn và bị đơn đều nhất trí tự thỏa thuận về tài sản chung và nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết do vậy Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

**[3] Về án phí:** Nguyên đơn chị **Đặng Thị T** phải chịu 300.000<sup>d</sup> (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào các Điều 28, Điều 37, Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 228, Điều 469, Điều 474, Điều 475, Điều 476, khoản 5 Điều 477, Điều 479 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án:

Áp dụng các Điều 51, 56, 57, 81, 122, 123 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014;

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị **Đặng Thị T** cụ thể:

1. Chị **Đặng Thị T** được ly hôn với anh **Hoàng Phúc K**
2. Về con chung: Giao con chung **Hoàng Đặng Huyền T1**, sinh ngày 21/12/2016, giới tính: Nữ cho chị **Đặng Thị T** trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Sau khi ly hôn anh **K** có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Không xem xét giải quyết

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét, giải quyết

4. Về án phí: Chị **Đặng Thị T** phải chịu 300.000<sup>d</sup> (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm chị **T** đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0000023 ngày 23 tháng 02 năm 2024 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Bắc Kạn.

*“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”*

Án xử công khai sơ thẩm vắng mặt nguyên đơn, bị đơn. Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ. Bị đơn ở nước ngoài có quyền kháng cáo trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật./.

**Nơi nhận:**

- VKSND tỉnh;
- Các đương sự
- Cục THADS tỉnh Bắc Kạn(khi BA có HLPL);
- UBND xã Lương Bằng(khi BA có HLPL);
- Lưu tổ HCTP, HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Hoàng Thị Thu Hương**